

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

Bản án số: 91/2025/HS-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Thanh Tùng

Ông Trần Ngọc Tây

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thị Oanh T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1986, tại: Khánh Hòa; trú tại: Số E tổ A H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Cao đẳng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang H và bà Trần Thị B; chồng: Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 175/2016/HSPT ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng 02 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; chấp hành xong hình phạt ngày 26/9/2016, đóng án phí xong ngày 23/3/2023.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực N thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh K; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm 1982, nơi đăng ký thường trú: 119F/17 N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, thành phố Hồ Chí Minh).

Chỗ ở: Thôn P1, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- Ông Nguyễn S, sinh năm 1976, trú tại: Thôn P1, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Tường L và ông Nguyễn Xuân T1, luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Tường L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K. Ông L vắng mặt, ông T1 có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Biện Văn C, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã H, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

- Ông Đặng Tiến Đ, sinh năm 1988, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1960, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1974, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc B1 và chồng là ông Nguyễn S thông qua giới thiệu có biết Trần Thị Oanh T làm dịch vụ nhà đất nên có gặp và nhờ T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Do cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà B1 và ông S. T hứa hẹn với bà Nguyễn Thị Ngọc B1, ông Nguyễn S sẽ thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 02 lô đất: Thửa số 409 tờ bản đồ 42 diện tích 243,2 m² tại thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 236403, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CO 02012 do Sở Tài Nguyên môi trường cấp ngày 07/4/2020 và một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 630 tờ bản đồ số 22 + thửa đất số 87 tờ bản đồ số 42 (theo hệ VN2000) có tổng diện tích 97,9m² tại xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Để bà B1, ông S tin tưởng, T nói bản thân có quen biết anh Đ1 làm tại văn phòng Đ2 chi nhánh N chuyên chạy thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. T hứa hẹn sẽ chuyển mục đích sử dụng đất cho bà B1 xong trước tết và thỏa thuận chi phí khoảng hơn 160.000.000đ. Tin tưởng các thông tin do T đưa ra nên trong tháng 11/2021 và tháng 12/2021, khi T yêu cầu chuyển tiền, bà B1 đã chuyển khoản cho T tổng cộng: 161.877.000đ vào tài khoản số 0061000674815 của Trần Thị Oanh T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V). Cụ thể:

- Ngày 03/11/2021, T liên hệ bằng điện thoại yêu cầu bà B1 chuyển 40.000.000đ tiền đặt cọc làm sổ đỏ.

- Ngày 06/12/2021, T yêu cầu bà B1 chuyển tiếp số tiền 6.000.000đ là phần tiền làm sổ còn lại

- Ngày 16/12/2021, T yêu cầu bà B1 chuyển 66.700.000đ nộp thuế đất chuyển mục đích lên đất thổ cư của thửa 630 (một phần) + thửa 87 (một phần).

- Ngày 17/12/2021, T tiếp tục yêu cầu bà B1 chuyển 49.177.000đ nộp thuế đất chuyển mục đích lên đất thổ cư thửa 409.

Sau khi nhận được tiền, Trần Thị Oanh T hẹn bà B1 đến khoảng đầu tháng 01/2022 sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thực tế T không thực hiện việc nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất tại Cơ quan có thẩm quyền mà chiếm đoạt số tiền trên tiêu dùng cá nhân.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKSNT ngày 13 tháng 5 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) đã truy tố bị cáo Trần Thị Oanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Oanh T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại theo số tiền còn lại là 141.877.000đ

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Trần Thị Oanh T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho bị cáo bởi vì: Thực tế để làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thì phải có giấy tờ gốc, bị cáo không thừa nhận đã nhận giấy tờ gốc của bị hại (gồm sổ đỏ thửa số 409, tờ bản đồ số 42; giấy xác nhận và cam kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 630 (một phần) tờ bản đồ số 22 + thửa 87 (một phần) tờ bản đồ số 42) mà chỉ thừa nhận có nhận giấy tờ công chứng và đã trả lại cho bị hại thông qua một người khác do bị hại yêu cầu. Mặt khác, số tiền bị cáo đã bồi thường 20.000.000đ nộp tại cơ quan thi hành án là quá nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục.

- Bị hại thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị bị cáo trả lại các giấy tờ gốc gồm sổ đỏ thửa số 409; giấy xác nhận và cam kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 630 (một phần) + thửa 87 (một phần); đề nghị xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 141.877.000đ (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa), Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Oanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12/2021, Trần Thị Oanh T tuy không có thẩm quyền, nhiệm vụ trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng đã đưa ra thông tin gian dối về việc có thể thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất và gian dối trong việc nộp hồ sơ, nộp thuế sử dụng đất để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc B1 và ông Nguyễn S số tiền 161.877.000đ (một trăm sáu mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Mặt khác, bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại nhiều lần nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại là 20.000.000đ nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc B1 và ông Nguyễn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 161.877.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên và đã nộp tiền khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 20.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000216 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Do đó, cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 141.877.000đ

[6] Đối với ý kiến của bị hại đề nghị bị cáo trả lại giấy tờ gốc gồm sổ đỏ thửa số 409, giấy xác nhận và cam kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 630 (một phần) + thửa 87 (một phần): Xét thấy bị hại khai đã giao giấy tờ gốc cho bị cáo nhưng không lập biên bản giao nhận; bị cáo khai không nhận giấy tờ gốc, chỉ nhận bản photo sổ đỏ thửa 409 và bản sao công chứng giấy xác nhận và cam kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 630 (một phần) + thửa 87 (một phần) nhưng sau đó đã trả lại cho bị hại. Lời khai của bị cáo và bị hại mâu thuẫn, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc các giấy tờ này, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Đây là các giấy tờ cá nhân, bị hại có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Oanh T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thị Oanh T phải tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc B1 và ông Nguyễn S số tiền là 141.877.000đ (một trăm bốn mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc B1 và ông Nguyễn S được nhận số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Trần Thị Oanh T nộp khắc phục hậu quả theo

biên lai thu tiền số 0000216 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Trần Thị Oanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.093.850đ (bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang